



Bài báo nghiên cứu*

TỪ TÂM QUAN TRỌNG CỦA NĂNG LỰC GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA ĐẾN VIỆC XÁC ĐỊNH LẠI MỤC TIÊU CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG ANH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thúy Lan

Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang, Việt Nam

Trường Đại học Auckland, New Zealand

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thúy Lan – Email: lugn102@aucklanduni.ac.nz

Ngày nhận bài: 16-02-2020; ngày nhận bài sửa: 10-3-2020; ngày duyệt đăng: 26-8-2020

TÓM TẮT

Trong thời đại toàn cầu hóa, tiếng Anh đã vượt ra ngoài biên giới của các quốc gia nói tiếng Anh và trở thành ngôn ngữ để kết nối những người đến từ những nền văn hóa khác nhau. Trong bối cảnh đó, việc giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam cần lấy năng lực giao tiếp liên văn hóa (NLGTLVH) làm mục tiêu hướng đến cho người học. Bài viết đề cập tầm quan trọng của NLGTLVH, đồng thời giới thiệu một đường hướng giảng dạy ngôn ngữ mới: giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa (GDNNLVH) cho người học tiếng Anh ở Việt Nam. Bên cạnh đó, bài viết còn trình bày một số chiến lược trong việc áp dụng GDNNLVH vào giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam, giúp nâng cao NLGTLVH của người học. Bài viết hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách ngôn ngữ và giáo viên trong việc sửa đổi các chính sách hiện hành cũng như đổi mới phương pháp trong giảng dạy tiếng Anh; từ đó, có thể đưa ra một số cải cách trong giảng dạy, kiểm tra và đánh giá tiếng Anh nhằm phát triển NLGTLVH cho người học tiếng Anh ở Việt Nam.

Từ khóa: toàn cầu hóa; năng lực giao tiếp liên văn hóa; giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa; người học tiếng Anh ở Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu (*lingua franca*) do một phần tác động của toàn cầu hóa (*globalization*) (McKay, 2002). Toàn cầu hóa ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều khía cạnh của cuộc sống như: kinh tế, công nghệ, văn hóa, chính trị, xã hội và môi trường giáo dục. Thêm vào đó, trong thời đại toàn cầu hóa, những người nói tiếng Anh không chỉ đến từ các quốc gia vòng trong¹ (*Inner Circle*), mà còn đến từ các quốc gia vòng ngoài² (*Outer Circle*) và

Cite this article as: Nguyen Thi Thuy Lan (2020). From the importance of intercultural communicative competence to redefining the purposes of learning English for Vietnamese learners. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(8), 1521-1528.

¹ Bao gồm các quốc gia nơi mà tiếng Anh được coi là ngôn ngữ mẹ đẻ hay là ngôn ngữ thứ nhất như ở Mĩ, Anh, Úc, New Zealand...

² Bao gồm các quốc gia, nơi mà tiếng Anh mặc dù không phải là tiếng mẹ đẻ nhưng được nói như ngôn ngữ thứ hai và là ngôn ngữ chính thức trong giáo dục, chính trị, văn hóa đại chúng... như Bangladesh, Ấn Độ, Philippine...

các quốc gia vòng mở rộng³ (*Expanding Circle*) (Kachru, 1992). Do đó, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ cầu nối giữa những người đến từ các quốc gia khác nhau trên thế giới. Theo đó, quyền sở hữu tiếng Anh không chỉ thuộc về văn hóa của các quốc gia vòng trong mà còn thuộc về các quốc gia vòng ngoài và vòng mở rộng (McKay, 2002). Trong bối cảnh như vậy, năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh không phải là điều duy nhất người học tiếng Anh cần thành thạo, mà còn là NLGTLVH để giúp họ có thể giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau một cách thành thạo, tự tin và phù hợp (Byram, 1997).

Hơn nữa, câu hỏi liệu người nói tiếng Anh không phải là người bản ngữ có thể trở thành người nói tiếng Anh bản ngữ được hay không đã được quan tâm rất nhiều trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Các nghiên cứu trước đây cho thấy mô hình người bản ngữ được cho là gánh nặng và là mục tiêu không thể đạt được đối với người học ngôn ngữ (Cook, 1999). Do đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa, cần phải vượt ra ngoài mô hình người bản ngữ (*native speaker model*) để chuyển sang mô hình người giao tiếp liên văn hóa (*intercultural speaker model*), người có khả năng giao tiếp thành thạo, tự tin và phù hợp với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau (Byram, 1997). Vì vậy, việc nâng cao NLGTLVH cho người học ngoại ngữ ngày càng trở nên cấp thiết hơn.

Tại Việt Nam, chính sách ngoại ngữ, đặc biệt đối với tiếng Anh, đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu trong sự phát triển của đất nước kể từ khi Việt Nam đạt được những cột mốc quan trọng như đổi mới kinh tế vào năm 1986, trở thành thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995 và là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2006 (Le, 2011). Việc sử dụng thành thạo tiếng Anh đã mang lại những điều kiện tối ưu cho người Việt Nam trong giáo dục đại học, giao lưu văn hóa xã hội và đặc biệt là mở rộng thương mại và kinh doanh trên phạm vi toàn cầu. Trong thời đại toàn cầu hóa và quốc tế hóa, sự tham gia ngày càng tăng của các doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam đã mang lại nhiều cơ hội cho người Việt Nam trong việc tiếp cận với các tương tác quốc tế. Do đó, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh với những người thuộc các nền văn hóa khác nhau đã trở thành một điều cần thiết, thậm chí đôi khi là bắt buộc đối với người Việt Nam. Chính vì vậy, việc bồi dưỡng nâng cao NLGTLVH cho người học tiếng Anh ở Việt Nam để nâng cao nhận thức của họ về sự khác biệt văn hóa nhằm xây dựng thái độ và hành vi phù hợp khi giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau là điều cần thiết và nên trở thành một trong những mục tiêu chính trong giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam.

2. Năng lực giao tiếp liên văn hóa

2.1. Năng lực giao tiếp liên văn hóa là gì?

Theo Byram (1997), để có được một cuộc hội thoại thành công với một người đến từ một nền văn hóa khác khi sử dụng một ngôn ngữ không phải ngôn ngữ mẹ đẻ, người sử dụng ngôn ngữ không chỉ cần có Năng lực giao tiếp (*Communicative competence*) mà cần

³ Bao gồm các quốc gia, nơi mà tiếng Anh được công nhận là ngôn ngữ toàn cầu và được học như một ngoại ngữ, như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Việt Nam...

phải có Năng lực liên văn hóa (*Intercultural competence*). Nói một cách ngắn gọn, NLGTLVH là khả năng của một người để giao tiếp thành thạo, tự tin và thích hợp bằng một ngôn ngữ nước ngoài với những người đến từ các nền văn hóa khác (Byram, 1997).

Định nghĩa về từng thành tố cấu thành nên NLGTLVH được trình bày chi tiết tại Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Các thành tố của Năng lực giao tiếp liên văn hóa (Byram, 1997)

Năng lực giao tiếp liên văn hóa <i>(Intercultural communicative competence)</i>			
Năng lực giao tiếp <i>(Communicative competence)</i>		Năng lực liên văn hóa <i>(Intercultural competence)</i>	
Thành tố	Định nghĩa	Thành tố	Định nghĩa
Năng lực ngôn ngữ <i>(Linguistic competence)</i>	Kiến thức về ngôn ngữ (các quy tắc ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chính tả...)	Thái độ liên văn hóa <i>(Intercultural attitudes)</i>	Sự sẵn sàng tương đối hóa các giá trị, niềm tin và hành vi của chính mình, không cho rằng chúng là những thứ duy nhất đúng, và có thể hiểu được chúng sẽ như thế nào dưới góc nhìn của một người khác, người có những giá trị, niềm tin và hành vi khác với mình
Năng lực sử dụng ngôn ngữ xã hội <i>(Sociolinguistic competence)</i>	Việc nắm vững quy tắc sử dụng ngôn ngữ văn hóa xã hội (việc sử dụng từ vựng, cách xưng hô, phép lịch sự trong những tình huống giao tiếp)	Kiến thức <i>(Knowledge)</i>	Kiến thức về các nhóm xã hội như các giá trị văn hóa gắn liền với thực tiễn xã hội ở một quốc gia khác, cũng như kiến thức về quá trình tương tác giữa xã hội và cá nhân ở quốc gia mình
Năng lực diễn ngôn <i>(Discourse competence)</i>	Khả năng kết hợp các cấu trúc ngôn ngữ vào những loại văn bản khác nhau để tạo ra tính gắn kết của văn bản (ví dụ trong bài phát biểu hay trong thơ ca)	Kỹ năng liên hệ và suy luận <i>(Skills of interpreting and relating)</i>	Khả năng diễn giải một tài liệu hoặc một sự kiện từ một nền văn hóa khác, để giải thích nó và liên hệ nó với các tài liệu và sự kiện từ văn hóa nước mình
Năng lực chiến lược <i>(Strategic competence)</i>	Kiến thức về các chiến lược trong giao tiếp sử dụng lời nói hoặc cử chỉ nhằm tăng tính hiệu quả trong giao tiếp và có thể làm cho người học vượt qua được khó khăn khi giao tiếp không thành công	Kỹ năng khám phá và tương tác <i>(Skills of discovery and interaction)</i>	Khả năng tiếp thu kiến thức mới và thực hành mới về văn hóa và khả năng vận dụng kiến thức, thái độ, kỹ năng vào giao tiếp và tương tác thực trong cuộc sống
		Nhận thức liên văn hóa <i>(Critical cultural awareness)</i>	Khả năng đánh giá, có tư duy phản biện dựa trên cơ sở các tiêu chí, quan điểm và thực tiễn rõ ràng trong văn hóa của đất nước mình và văn hóa của các quốc gia khác

2.2. Vai trò của năng lực giao tiếp liên văn hóa trong dạy và học ngôn ngữ

Crozet và Liddicoat (1997) đã chỉ ra rằng văn hóa tiềm ẩn trong cách mà ngôn ngữ được sử dụng để tạo ra văn bản, cho dù văn bản đó dưới dạng viết, nghe, nhìn hay nói. Vì vậy, văn hóa có thể được coi là một phần không thể tách rời và đan xen của ngôn ngữ. Hơn nữa, việc học một ngôn ngữ không đơn giản bằng việc chỉ học từ vựng và ngữ pháp để tạo ra các câu chính xác (Liddicoat, 2005). Một người học chỉ chú trọng vào các khía cạnh về mặt ngôn ngữ thì không thể giao tiếp thành công bằng ngôn ngữ đó được và có thể dễ dàng trở thành một người thành thạo trong giao tiếp nhưng đôi khi trở nên “ngốc nghếch” vì nói những câu không thích hợp vào một thời điểm không thích hợp với tình huống văn hóa đó. Vì lí do đó, văn hóa đã trở thành một phần thiết yếu trong việc học và dạy ngôn ngữ.

Trong thế giới toàn cầu hóa, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi như một ngôn ngữ toàn cầu trong giao tiếp, đối thoại giữa những người đến từ khắp nơi trên thế giới. Quan trọng hơn nữa, người học tiếng Anh như một ngoại ngữ sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với những người đến từ các quốc gia khác chứ không phải giao tiếp với những người đến từ chính quốc gia của họ. Vì vậy, việc hiểu biết sâu sắc nền văn hóa và các mặt xã hội của quốc gia khác là điều cần thiết để giao tiếp liên văn hóa thành công. Byram (1997) nhấn mạnh rằng mục tiêu dạy tiếng Anh trong thời đại toàn cầu hóa là trau dồi NLGTLVH cho người học để giúp họ trở thành những người giao tiếp liên văn hóa thực thụ. Dựa vào những lí do này, việc tăng cường NLGTLVH cho người học tiếng Anh như một ngoại ngữ ngày càng trở nên quan trọng và nên trở thành một phần thiết yếu trong việc học và giảng dạy ngoại ngữ, bao gồm học và dạy tiếng Anh.

Ngôn ngữ bao hàm kiến thức, thế giới quan và hiểu biết về văn hóa của người nói; do đó, rất khó để dạy một ngôn ngữ mà không dạy văn hóa của người nói ngôn ngữ đó (Byram, 1989). Theo đó, người học ngôn ngữ cần hiểu rằng, để giao tiếp hiệu quả, việc sử dụng ngôn ngữ phải được liên kết với các kiến thức, thái độ và hành vi phù hợp với văn hóa. Điều này đã dẫn đến mối quan tâm lớn về việc khám phá sự giao thoa giữa ngôn ngữ và văn hóa trong nhiều lĩnh vực về ngôn ngữ học (Liddicoat, 2005).

3. Giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa

Cho đến nay, các học giả đã khẳng định về mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa, tầm quan trọng của văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ và sự cần thiết để chuyển sang đường hướng giảng dạy tích hợp giữa ngôn ngữ và văn hóa – giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa (GDNNLVH).

GDNNLVH có thể được coi là một cách tiếp cận để phát triển cho người học ngôn ngữ hiểu về ngôn ngữ và văn hóa của họ thông qua sự kết nối với ngôn ngữ và văn hóa khác (Liddicoat, Papademetre, Scarino, & Kohler, 2003). Hơn nữa, GDNNLVH đặt mục tiêu phát triển NLGTLVH cho người học thông qua việc học ngoại ngữ và cách mà ngôn ngữ - văn hóa của họ liên hệ với ngôn ngữ – văn hóa đích (Crozet, Liddicoat, & Lo Bianco, 1999). Do đó, thông qua GDNNLVH, để phát triển NLGTLVH cho người học, giáo viên không chỉ giúp người học phát triển ngôn ngữ và văn hóa đích mà còn tạo điều kiện cho họ hiểu được mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa đích với ngôn ngữ và văn hóa của đất

nước họ. Bằng cách đó, người học có thể giao tiếp thành công và phù hợp với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau; đồng thời, giúp nâng cao nhận thức của người học về sự khác biệt văn hóa, từ đó nhìn nhận và đánh giá đúng mực để có thái độ và hành vi thích hợp khi gặp những tình huống khác biệt với văn hóa của đất nước họ.

Theo Liddicoat (2005), GDNNLVH bao gồm bốn giai đoạn: Giai đoạn 1 – Nâng cao nhận thức (*awareness-raising*), Giai đoạn 2 – Phát triển kỹ năng (*skills development*), Giai đoạn 3 – Sản sinh (*production*) và Giai đoạn 4 – Phản hồi (*feedback*). Ông cũng tuyên bố rằng cách tiếp cận này có thể giúp người học ngôn ngữ phản ánh về văn hóa của chính họ, để trải nghiệm văn hóa mới và quyết định xem người đối thoại muốn họ phản ứng như thế nào với sự khác biệt về văn hóa đó. Các giai đoạn này được mô tả chi tiết như sau:

- **Giai đoạn 1: Nâng cao nhận thức**

Trong giai đoạn đầu tiên, giáo viên giới thiệu cho người học những kiến thức mới về ngôn ngữ và văn hóa thông qua một số nhiệm vụ. Những nhiệm vụ này tốt nhất là giúp truyền cảm hứng cho người học để giúp họ liên tưởng được mối liên hệ giữa kiến thức văn hóa mới này và văn hóa của đất nước họ. Giáo viên có thể sử dụng các nguồn tài liệu xác thực (*authentic materials*), ví dụ, phim hoạt hình, đoạn clip ngắn trích từ các bộ phim, phim tài liệu hoặc các mẫu chuyện ngắn để giúp người học dễ dàng tiếp thu kiến thức văn hóa mới. Trong GDNNLVH, giáo viên cần biết một vài điều về cả hai nền văn hóa, do đó, họ có thể là người bản ngữ hoặc không phải là người bản ngữ. Trong GDNNLVH, người học được khuyến khích so sánh và khám phá sự khác biệt giữa các nền văn hóa khác nhau thay vì chỉ nhận được kiến thức đó từ giáo viên. Do đó, sự hợp tác giữa giáo viên và người học trong việc giải quyết các nhiệm vụ được đặt ra sẽ đem lại một kết quả tốt.

- **Giai đoạn 2: Phát triển kỹ năng**

Sau khi được giới thiệu một kiến thức văn hóa mới, giáo viên yêu cầu người học khám phá thêm kiến thức đó bằng cách tham gia vào hoạt động khám phá. Người học được khuyến khích làm việc cùng nhau (theo cặp hoặc theo nhóm) để so sánh giữa ngôn ngữ và văn hóa của đất nước họ với ngôn ngữ và văn hóa đích dựa trên kiến thức mà họ có và kiến thức thu được qua Giai đoạn 1. Giai đoạn này nên được thực hiện ngay sau giai đoạn nâng cao nhận thức để người học có thể lĩnh hội được kiến thức văn hóa vừa học thông qua thảo luận, so sánh và đối chiếu với kiến thức văn hóa sẵn có của bản thân và với các bạn học khác.

- **Giai đoạn 3: Sản sinh**

Trong giai đoạn này, người học sẽ mang tất cả thông tin họ có được từ các giai đoạn trước để thực hành sử dụng ngôn ngữ thực tế thông qua một số nhiệm vụ, như đóng vai (tốt nhất là không được dùng những bản ghi chép), nếu người học ở giai đoạn có thể làm được nhiệm vụ này. Việc đóng vai có thể giúp họ trải nghiệm những tình huống có khả năng xảy ra trong thực tế. Người học cũng có thể thuyết trình về những kiến thức văn hóa mà họ đã lĩnh hội được từ những hoạt động trước đó.

- **Giai đoạn 4: Phản hồi**

Giai đoạn này đòi hỏi người học phản ánh về kinh nghiệm đóng vai của họ trong một tình huống liên văn hóa tương tự ở giai đoạn sản sinh hoặc là những kiến thức mà họ

thu được về sự khác biệt văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới làm họ ngạc nhiên. Sau khi nghe người học chia sẻ về những trải nghiệm ở giai đoạn sản sinh, giáo viên sẽ đưa ra nhận xét không chỉ về cách người học sử dụng ngôn ngữ, mà còn về những kỹ năng, thái độ và hành vi mà người học đã sử dụng trong những giai đoạn trước.

4. Một số chiến lược trong việc áp dụng giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa

Trong phần này, một số chiến lược phổ biến để tích hợp văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ sẽ được giới thiệu và thảo luận.

4.1. Nguồn tài liệu xác thực

Một trong những chiến lược để tích hợp văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ là sử dụng các nguồn tài liệu xác thực từ cộng đồng văn hóa đích, tạo điều kiện cho người học trải nghiệm văn hóa thực tế (Peterson & Coltrane, 2003). Những nguồn tài liệu này có thể bao gồm phim, tin tức, chương trình truyền hình, tài liệu trên các trang web hoặc tài liệu quảng cáo du lịch. Những tài liệu này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với năng lực ngôn ngữ của người học.

4.2. Đóng vai

Một chiến lược hữu ích khác được đề cập bởi một số học giả (Ho, 2009; Peterson & Coltrane, 2003) là đóng vai, trong đó người học có thể đóng vai vào những tình huống gây hiểu lầm khi giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác. Những loại tình huống này thường làm cho các cuộc trò chuyện không thành công và gây ra sự bối rối hoặc không thoải mái giữa những người đối thoại. Ví dụ, sau khi tìm hiểu về cách bắt đầu và kết thúc cuộc trò chuyện với những người cùng tuổi và khác tuổi, người học có thể đóng vai vào một tình huống trong đó sự khó chịu xảy ra vì hành vi và thái độ không phù hợp từ những người đối thoại ở những nền văn hóa khác nhau. Giáo viên có thể yêu cầu những người học khác quan sát và cố gắng tìm ra những lời giải thích cho những hiểu lầm đó. Sau đó, họ có thể đóng vai vào tình huống tương tự bằng việc sử dụng những ngôn ngữ, thái độ và hành vi phù hợp với văn hóa đó hơn.

4.3. Phỏng vấn

Người học được khuyến khích tham gia vào giao tiếp liên văn hóa thực sự để tìm hiểu về ngôn ngữ và văn hóa đích. Trong tình huống như vậy, người học có thể thực hiện các cuộc phỏng vấn với những người nước ngoài, ở đó họ có thể ghi chép, ghi âm hoặc quay phim về các cuộc phỏng vấn (Ho, 2009; Peterson, & Coltrane, 2003). Giáo viên ngôn ngữ có thể khuyến khích người học xây dựng và duy trì các mối liên hệ đa văn hóa bằng cách tự tạo ra các cơ hội gặp gỡ và nói chuyện với người nước ngoài. Ví dụ, người học có thể đến những địa điểm nổi tiếng mà người du lịch thường ghé thăm hoặc kết bạn với những người đến từ các quốc gia khác thông qua mạng internet... Qua đó, người học không chỉ cải thiện được năng lực sử dụng tiếng Anh mà còn tăng cường hiểu biết về sự khác biệt văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới để phát triển NLGTLVH của mình.

4.4. Xây dựng các hoạt động văn hóa dựa trên nội dung văn hóa trong giáo trình

Trong GDNLVH, giáo viên giỏi không cần phải là người bản ngữ, mà là người có thể giúp người học nhận ra mối liên hệ giữa nền văn hóa của nước họ và các nền văn hóa

khác để khơi sự tò mò về những khác biệt trong văn hóa (Aguilar, 2008). Một trong những cách để nâng cao nhận thức về văn hóa cho người học là sử dụng triết đề nội dung văn hóa có sẵn trong giáo trình. Tuy nhiên, không có giáo trình nào kết hợp hoàn hảo giữa nội dung về ngôn ngữ và văn hóa (Cortezzi & Jin, 1999). Do đó, giáo viên cần điều chỉnh giáo trình hoặc tạo ra các hoạt động bổ trợ để tích hợp văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ và biến nội dung văn hóa thành một phần thiết yếu trong các lớp học ngôn ngữ của họ. Ngoài ra, giáo viên được khuyến khích dành nhiều thời gian hơn cho việc thiết kế hoặc lựa chọn các tài liệu giảng dạy bổ trợ để giúp nâng cao NLGTLVH cho người học trong các giờ giảng dạy ngôn ngữ.

4.5. Dành thời gian thích hợp cho việc chuẩn bị giờ giảng

Để tích hợp văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ, giáo viên nên dành thời gian cho việc chuẩn bị các bài học tích hợp trước khi lên lớp. Giáo viên cần biết một vài điều về nội dung văn hóa trong các bài học ngôn ngữ; do đó, họ nên chuẩn bị bài học cẩn thận bằng cách tìm kiếm thêm thông tin liên quan đến nội dung văn hóa của các bài học ngôn ngữ trước các giờ giảng. Như vậy, giáo viên sẽ cảm thấy tự tin hơn về kiến thức văn hóa của mình. Ngoài ra, giáo viên cần yêu cầu người học chuẩn bị nội dung văn hóa cho các bài học tiếp theo một cách cẩn thận trước khi đến lớp. Nhờ đó, người học có thể tham gia vào giai đoạn phát triển kỹ năng và sản sinh (như đã đề cập ở trên) để chia sẻ kiến thức văn hóa mà họ biết và thảo luận kiến thức này với những bạn học khác trong lớp để lĩnh hội được những kiến thức văn hóa mà họ chưa biết.

5. Kết luận

Tóm lại, toàn cầu hóa đã mang lại nhiều cơ hội cho người Việt Nam để tham gia giao tiếp liên văn hóa với những người đến từ các quốc gia khác trên thế giới. Để chuẩn bị cho người học tiếng Anh ở Việt Nam có thể giao tiếp thành thạo và phù hợp trong giao tiếp liên văn hóa, giáo viên tiếng Anh cần phải nâng cao NLGTLVH cho người học thông qua việc giảng dạy tiếng Anh. Hơn nữa, giảng dạy ngôn ngữ không thể tách rời giảng dạy văn hóa của ngôn ngữ đó. Do đó, giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam cần phải biết cách áp dụng GDNNLVH vào các lớp học tiếng Anh để nâng cao kiến thức, thái độ, kỹ năng và nhận thức liên văn hóa cho người học. Bằng cách làm đó, người học sẽ có được hành trang cần thiết cho những cuộc giao tiếp liên văn hóa hiệu quả ở hiện tại và tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aguilar, M. J. C. (2008). Dealing with intercultural communicative competence in the foreign language classroom. In Soler, Eva & Maria Pilar, Jordà. *Intercultural Language Use and Language Learning*, 59-78. Dordrecht: Springer.
- Byram, M. (1989). *Cultural studies in foreign language education*. Clevedon: Multilingual Matters.
- Byram, M. (1997). *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. Clevedon: Multilingual Matters.
- Cook, V. (1999). Going beyond the native speaker in language teaching. *TESOL Quarterly*, 33(2), 185-209.

- Cortezzi, M., & Jin, L. (1999). Cultural mirrors: Materials and methods in the EFL classroom. *Culture in Second Language Teaching and Learning*. CUP: Cambridge, 196-219.
- Crozet, C & Liddicoat, A. (1997). Teaching culture as an integrated part of language teaching: An introduction. *Australian Review of Applied Linguistics*. 5(14), 1-22.
- Crozet, C., Liddicoat, A., & Lo Bianco, J. (1999). Intercultural competence: From language policy to language education. In C. Crozet, A. J. Liddicoat, & J. Lo Bianco (Eds.), *Striving for the third place: Intercultural competence through language education*, 1-20). Canberra, Australia: Language Australia.
- Ho, S. T. K. (2009). Addressing culture in EFL classrooms: The challenge of shifting from a traditional to an intercultural stance. *Electronic Journal of Foreign Language Teaching*, 6(1), 63-76.
- Kachru, B. B. (1992). *The other tongue: English across cultures*: University of Illinois Press.
- Le, S. T. (2011). *Teaching English in Vietnam: Improving the provision in the private sector*. PhD thesis, Victoria University. Retrieved from <http://vuir.vu.edu.au/id/eprint/16055>
- Liddicoat, A. (2005). *Teaching languages for intercultural communication* (Doctoral dissertation, Federation Internationale des Professeurs de Langues Vivantes). Retrieved from https://www.resourcefulindonesian.com/uploads/1/1/2/5/11252883/teaching_languages_fpr_intercultural_communication.pdf
- Liddicoat, A., Papademetre, L., Scarino, A., & Kohler, M. (2003). *Report on intercultural language learning*. Canberra ACT: Commonwealth of Australia.
- McKay, S. L. (2002). *Teaching English As An International Language: Rethinking Goals and Perspectives*. New York: Oxford University Press.
- Peterson, E., & Coltrane, B. (2003). Culture in second language teaching. *Cal Digest*, 3(9), 1-6.

**FROM THE IMPORTANCE OF INTERCULTURAL COMMUNICATIVE
COMPETENCE TO REDEFINING THE PURPOSES
OF LEARNING ENGLISH FOR VIETNAMESE LEARNERS**

Nguyen Thi Thuy Lan

*Bac Giang Agriculture and Forestry University, Vietnam
The University of Auckland, New Zealand*

*Corresponding author: Nguyen Thi Thuy Lan – Email: lugn102@aucklanduni.ac.nz
Received: February 16, 2020; Revised: March 10, 2020; Accepted: August 26, 2020*

ABSTRACT

In the era of globalization, English has transcended the boundaries of English-speaking countries and has become the language to connect people from different cultures. In such a context, the teaching of English in Vietnam needs to take Intercultural Communication Competence (ICC) as a target for learners. This article attempts to raise Vietnamese EFL teachers' awareness about the importance of ICC for Vietnamese learners. Furthermore, the article introduces a new language teaching approach, Intercultural Language Teaching (ILT), which can assist in enhancing language learners' ICC in English lessons. The article also outlines some strategies for applying ILT into teaching English in the context of Vietnam. The article may be useful for language policy makers and teachers of English in revising the current policies as well as innovating English language teaching methodologies in Vietnam. Thereby, there can be some reforms in teaching, testing, and assessing English in order to develop Vietnamese English learners' ICC.

Keywords: globalization; intercultural communicative competence; Intercultural language teaching; Vietnamese EFL learners